

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường;
chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm**

Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm định thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20/05/2017;

2. Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông

thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.¹

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định điều kiện đầu tư kinh doanh, bao gồm:

1. Điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, trừ thuốc bảo vệ thực vật sinh học có hoạt chất là các vi sinh vật có ích; buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;

2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng;

3. Điều kiện nuôi động vật rừng thông thường;

4. Điều kiện kinh doanh con giống vật nuôi, tinh, phôi, trứng giống, chăn nuôi tập trung đối với trâu, bò, dê, cừu, ngựa, thỏ, lợn, gà, vịt, ngan, đà điểu, chim cú, chim yến; sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản (bao gồm cả chế phẩm sinh học, vi sinh vật, khoáng chất, hóa chất, trừ hóa chất khử trùng, tiêu độc, sát trùng, dùng trong nuôi trồng thủy sản); buôn bán thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản;

¹ Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.”

Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.”

5. Điều kiện sản xuất giống thủy sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá rô phi, nghêu Bến Tre), nuôi trồng thủy sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá rô phi); kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản; khai thác thủy sản;

6. Điều kiện kinh doanh thực phẩm (lương thực; thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; trứng và các sản phẩm từ trứng; sữa tươi nguyên liệu; mật ong và các sản phẩm từ mật ong; muối; gia vị; đường; chè; cà phê; ca cao; hạt tiêu; điều và các nông sản thực phẩm khác): cơ sở sản xuất thực phẩm (trồng trọt, thu hái, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt, khai thác thủy sản); cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm; chợ đầu mối nông sản; cơ sở buôn bán thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập, hợp tác xã (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân có đăng ký hộ kinh doanh; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 3. Điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật²

Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện, bồi dưỡng về chuyên môn, kiến thức về thuốc bảo vệ thực vật.

2. Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

3. Thiết bị, dây chuyền sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

4. Hệ thống xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải phải đáp ứng quy định pháp luật và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp.

5. Có phòng thử nghiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với phòng thử nghiệm đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa đối với mỗi lô sản phẩm xuất xưởng.

6. Cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải có hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương do các tổ chức chứng nhận đã được đăng ký theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp cấp.

Điều 4. Điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật³

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

2. Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

(sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

3. Kho thuốc bảo vệ thực vật

a) Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

b) Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kê kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật⁴

Tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01 - 19:2010/BNNT về quy trình xông hơi khử trùng hoặc tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có Thẻ hành nghề do Cục Bảo vệ thực vật cấp.

2. Có địa điểm xử lý vật thể, nhà xưởng, kho chứa, phương tiện phù hợp với quy mô, biện pháp và loại hình xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

3. Có thiết bị đối với từng biện pháp xử lý quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật⁵

Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

1. Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

2. Người lao động có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

3. Có phương tiện, thiết bị quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Đối với tổ chức khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật phải có phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH DỊCH VỤ KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 7. Điều kiện kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng

Tổ chức kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng chính do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có ít nhất 02 người có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành cây trồng, bảo vệ thực vật, lâm sinh;

2. Có địa điểm phù hợp với yêu cầu khảo nghiệm về sinh trưởng, phát triển của từng loài cây trồng.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG

Điều 8. Điều kiện nuôi động vật rừng thông thường

Tổ chức, cá nhân nuôi loài động vật thuộc Danh mục động vật rừng thông thường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Động vật rừng nuôi có nguồn gốc hợp pháp, từ một trong các nguồn: Khai thác từ tự nhiên trong nước; nhập khẩu; mua bán; chuyển nhượng; tặng, cho từ tổ chức, cá nhân khác; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật;

2. Cơ sở nuôi động vật rừng thông thường với số lượng lớp thú trên 20 cá thể; lớp bò sát trên 50 cá thể; lớp lưỡng cư trên 100 cá thể, khi xây dựng phải cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 200 m.

Chương V

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CHĂN NUÔI; THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN

Mục 1. ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CON GIỐNG, TINH, PHÔI, TRỨNG GIỐNG VẬT NUÔI

Điều 9. Điều kiện sản xuất kinh doanh con giống

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên chuyên ngành chăn nuôi hoặc thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thuần chủng; nhân viên kỹ thuật trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành chăn nuôi hoặc thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thương phẩm.

2. Địa điểm sản xuất, kinh doanh khi xây dựng phải cách các khu vực ô nhiễm môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật; khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện, trường học, chợ tối thiểu 500 m.

3. Có biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; nước thải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 62 - MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi.

Điều 10. Điều kiện sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống vật nuôi

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành về chăn nuôi hoặc thú y.

2. Có thiết bị, phương tiện bảo quản, vận chuyển theo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Mục 2. ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH CHĂN NUÔI TẬP TRUNG

Điều 11. Điều kiện chăn nuôi tập trung

1. Cơ sở chăn nuôi tập trung trâu, bò, ngựa trên 100 con nuôi sinh sản hoặc trên 200 con nuôi lấy thịt; dê, cừu trên 400 con sinh sản hoặc trên 600 con nuôi lấy thịt; thỏ trên 3.000 con sinh sản hoặc trên 6.000 con nuôi lấy thịt; lợn trên 300 con nái sinh sản hoặc trên 500 con gồm lợn nái và lợn nuôi lấy thịt hoặc trên 1.000 con nuôi lấy thịt; gà trên 3.000 con mái sinh sản hoặc trên 5.000 con nuôi lấy thịt; ngan, vịt trên 2.500 con mái sinh sản hoặc trên 4.000 con nuôi lấy thịt; đà điểu trên 100 con mái sinh sản hoặc trên 200 con nuôi lấy thịt; chim cút trên 10.000 con sinh sản hoặc trên 20.000 con nuôi lấy thịt đáp ứng các điều kiện:

a) Có nhân viên kỹ thuật trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành chăn nuôi hoặc thú y;

b) Có biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường; nước thải đảm bảo đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 62 - MT: 2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi;

c) Đáp ứng điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

2.⁶ Đối với dẫn dụ, gây nuôi chim yến: Thiết bị phát âm thanh dẫn dụ đảm bảo không vượt quá 70 đề xi ben A trong khoảng thời gian từ 6 giờ đến 21 giờ; không được sử dụng thiết bị phát âm thanh dẫn dụ chim yến trong thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

Mục 3. ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỨC ĂN THỦY SẢN

Điều 12.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 13.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 14.⁹ (được bãi bỏ)

Chương VI

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH VỀ THỦY SẢN

Mục 1. ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 15. Điều kiện đầu tư sản xuất giống thủy sản

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản.
2. Có hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt; có nơi xử lý chất thải.

Điều 16. Điều kiện đầu tư nuôi trồng thủy sản

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20/05/2017.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20/05/2017.

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20/05/2017.

1. Đối với cơ sở nuôi trong ao hoặc bể có hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt; có nơi xử lý chất thải; đối với cơ sở nuôi lồng, bè có dụng cụ thu gom, xử lý chất thải.

2. Đáp ứng điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 17. Điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản.
2. Có hệ thống cấp, thoát nước riêng biệt; có nơi xử lý chất thải.

MỤC 2. ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 18. Điều kiện đầu tư khai thác thủy sản

1. Thuyền trưởng, máy trưởng có bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đối với tàu cá từ 400 CV trở lên; hạng năm đối với tàu cá từ 90 CV đến dưới 400 CV; hạng nhỏ đối với tàu cá từ 20 CV đến dưới 90 CV.

2. Có tàu cá được cơ quan đăng kiểm tàu cá chứng nhận đủ điều kiện an toàn kỹ thuật đối với tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 m trở lên không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính từ 20 CV trở lên.

Chương VII

ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỰC PHẨM

Điều 19. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở sản xuất thực phẩm

- 1.¹⁰ Cơ sở có khoảng cách an toàn với khu xử lý chất thải.
- 2.¹¹ Có hệ thống cung cấp nước cho sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

3.¹² *(được bãi bỏ)*

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản điểm a, khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

Điều 20. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1.¹³ *(được bãi bỏ)*

2. Về địa điểm giết mổ

a)¹⁴ Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, trường học, bệnh viện, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường quốc lộ, sông, suối, nguồn cung cấp nước sinh hoạt, trại chăn nuôi, chợ buôn bán gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm;

b)¹⁵ Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm khi hoạt động phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

c)¹⁶ *(được bãi bỏ)*

d)¹⁷ *(được bãi bỏ)*

3.¹⁸ *(được bãi bỏ)*

Điều 21. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm

1.¹⁹ *(được bãi bỏ)*

¹³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản điểm a, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản điểm a, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

¹⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

2.²⁰ Cơ sở có khoảng cách an toàn với khu xử lý chất thải.

3. Về nhà xưởng sơ chế, chế biến

a)²¹ Dây chuyền sản xuất phải bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng; phân luồng riêng đối với sản phẩm, phụ gia, vật liệu bao gói, phế thải;

b)²² *(được bãi bỏ)*

c) Nền, trần, tường, cửa làm bằng vật liệu không thấm nước, chống chịu ăn mòn của các chất tẩy rửa, khử trùng. Cửa ra vào, cửa sổ kín, ngăn chặn được động vật, côn trùng, vi sinh vật gây hại xâm nhập;

d)²³ *(được bãi bỏ)*

đ)²⁴ *(được bãi bỏ)*

e)²⁵ Có hệ thống cung cấp nước sử dụng cho sơ chế, chế biến thực phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước ăn uống; nước để vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt;

g)²⁶ *(được bãi bỏ)*

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²³ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²⁶ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

h)²⁷ (được bãi bỏ)

i) Có hệ thống thoát nước thải chảy từ khu vực yêu cầu vệ sinh cao sang khu vực yêu cầu vệ sinh thấp hơn.

4. Về thiết bị, dụng cụ

a)²⁸ Có trang thiết bị làm vệ sinh cá nhân cho công nhân sản xuất;

b)²⁹ Có thiết bị, dụng cụ chế biến thực phẩm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-3:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;

c)³⁰ (được bãi bỏ)

d)³¹ (được bãi bỏ)

đ)³² (được bãi bỏ)

Điều 22. Điều kiện đầu tư kinh doanh chợ đầu mối nông sản

1.³³ Chợ đầu mối nông sản có khoảng cách an toàn với khu xử lý chất thải.

²⁷ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

²⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

2. Phân khu vực trong chợ đầu mối

a) Khu vệ sinh bố trí tách biệt với khu vực sơ chế, bày bán thực phẩm;

b) Hệ thống thoát nước thải được bố trí chảy từ khu vực yêu cầu vệ sinh cao sang khu vực yêu cầu vệ sinh thấp hơn; dụng cụ thu gom chất thải rắn có nắp đậy và lưu trữ ở khu vực tách biệt;

c)³⁴ Có hệ thống cung cấp nước rửa, sơ chế sản phẩm đáp ứng các quy định kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sinh hoạt.

3.³⁵ (được bãi bỏ)

Điều 23. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở buôn bán thực phẩm

1.³⁶ (được bãi bỏ)

2. Nơi buôn bán

a)³⁷ Cơ sở có khoảng cách an toàn với khu xử lý chất thải;

b)³⁸ (được bãi bỏ)

3. Thiết bị, dụng cụ

a)³⁹ (được bãi bỏ)

b)⁴⁰ Có thiết bị, dụng cụ chứa đựng, bao gói, bày bán sản phẩm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với

³⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁷ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

³⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-3:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

c) ⁴¹ (được bãi bỏ)

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ⁴²

⁴⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

⁴¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b, khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018.

⁴² Điều 29, 30, 31 của Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản, có hiệu lực kể từ ngày 20/5/2017 quy định như sau:

“Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại có trách nhiệm thực hiện việc công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của Nghị định này.

2. Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích kích thích sinh trưởng cho gia súc, gia cầm được phép lưu hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017. Thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh cho gia súc, gia cầm non được phép lưu hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký lại và hồ sơ đăng ký xác nhận thay đổi thông tin thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì giải quyết theo quy định tại Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 về quản lý thức ăn chăn nuôi. Trừ quy định về tên thương mại của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được áp dụng ngay cho tất cả các sản phẩm đăng ký mới và đăng ký lại kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại có trách nhiệm thực hiện việc công bố lại tên thương mại của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản trái với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

5. Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được phép lưu hành 05 năm kể từ ngày được công nhận.

6. Các tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được giữ nguyên giá trị hiệu lực ghi tại quyết định chỉ định.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2017.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điểm a, b, d, đ khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15 của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

b) Điểm h khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

c) Khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 6; Điều 7; khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

3. Bãi bỏ các Điều 12, 13, 14 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 7,8,9 của Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 17/09/2018 quy định như sau:

“Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được xây dựng ngoài khu công nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì vẫn được duy trì hoạt động nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về môi trường.

2. Các sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc sản xuất trong nước đã được phép lưu hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được phép lưu hành. Tổ chức, cá nhân phải tự cập nhật bản công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định đối với sản phẩm này trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.”

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

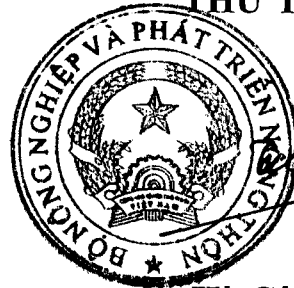
Số: **01** /VBHN-BNNPTNT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- TT TH&TK của Bộ NN&PTNT (để đăng lên Trang thông tin điện tử); /
- Lưu: VT, PC.

Hà Nội, ngày **21** tháng **01** năm 2019

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn

Phụ lục I

DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016
của Chính phủ)

Phần 1. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xông hơi khử trùng

Bảng 1. Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Methyl Bromide

TT	Thiết bị
1.	Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc
2.	Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi
3.	Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (đo TLV)
4.	Thiết bị thông thoáng, đảo khí
5.	Thiết bị hóa hơi
6.	Thiết bị gia nhiệt
7.	Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...)
8.	Ống dẫn thuốc
9.	Bạt khử trùng
10.	Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rân cát...)
11.	Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ
12.	Dụng cụ cân, đo
13.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại
14.	Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh
15.	Biển cảnh giới
16.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
17.	Bộ dụng cụ sơ cứu

Bảng 2. Danh mục thiết bị sử dụng cho biện pháp xông hơi khử trùng bằng Phosphine

TT	Thiết bị
1.	Thiết bị đo nồng độ hơi thuốc
2.	Thiết bị phát hiện rò rỉ thuốc xông hơi
3.	Thiết bị đo tồn dư thuốc sau khi thông thoáng (TLV)
4.	Thiết bị thông thoáng
5.	Dụng cụ, trang bị bảo hộ cá nhân (mặt nạ, bình lọc, thiết bị thở ôxy...)
6.	Bạt khử trùng
7.	Vật liệu làm kín khác (bạt giấy dán chuyên dụng, hồ dán, băng dính, rân cát...)
8.	Thiết bị đo nhiệt độ, ẩm độ
9.	Dụng cụ cân, đo
10.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại
11.	Dụng cụ, thiết bị phun vệ sinh
12.	Biển cảnh giới
13.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
14.	Bộ dụng cụ sơ cứu

Phần 2. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý hơi nước nóng

TT	Thiết bị
1.	Buồng xử lý
2.	Máy tạo hơi nước nóng (Máy VHT)
3.	Thiết bị làm mát
4.	Hệ thống làm ẩm
5.	Quạt luân chuyển không khí
6.	Thiết bị đo ẩm độ
7.	Thiết bị cảm ứng đo nhiệt
8.	Thiết bị hiệu chuẩn
9.	Thiết bị ghi dữ liệu về nhiệt độ trong quá trình xử lý
10.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
11.	Bộ dụng cụ sơ cứu
12.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

Phần 3. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý chiếu xạ

TT	Thiết bị
1.	Nguồn phát xạ
2.	Hệ thống băng tải đưa sản phẩm ra vào buồng xử lý
3.	Phòng điều khiển
4.	Thùng chứa sản phẩm
5.	Thiết bị đo liều chiếu xạ
6.	Buồng chiếu xạ
7.	Thiết bị kiểm xạ
8.	Hệ thống khóa liên động để kiểm soát và đảm bảo an toàn
9.	Trang bị bảo hộ và thiết bị kiểm soát liều cá nhân
10.	Bộ dụng cụ sơ cứu
11.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
12.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

Phần 4. Danh mục thiết bị đối với biện pháp xử lý nhiệt nóng

TT	Thiết bị
1.	Buồng xử lý
2.	Hệ thống cung cấp nhiệt
3.	Cảm biến đo nhiệt
4.	Thiết bị hiển thị nhiệt độ
5.	Hệ thống đảo khí
6.	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy
7.	Dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và giám định sinh vật gây hại

Phụ lục II
PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ PHỤC VỤ KHẢO NGHIỆM THUỐC
BẢO VỆ THỰC VẬT

*(Kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016
của Chính phủ)*

1. Bình phun thuốc bảo vệ thực vật đang vận hành tốt:
 - Bình phun tay đeo vai (dùng cần gạt bằng tay), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
 - Bình phun tay hoạt động nạp điện bằng bình sạc (không cần sử dụng tay đẩy, chỉ cần ấn công tắc), số lượng tối thiểu 02 chiếc;
 - Bình phun thuốc động cơ sử dụng cho cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả lâu năm, số lượng tối thiểu 02 chiếc.
2. Cân phân tích có độ chính xác ít nhất đạt 10^{-2} , số lượng tối thiểu 02 chiếc.
3. Ống đong các loại dung tích 50, 100, 200, 500 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.
4. Pipet các loại dung tích 1, 5, 10, 20 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 2 chiếc.
5. Vật dụng để thiết kế thí nghiệm: Thước dài, cọc, bảng, dây, kính lúp cầm tay (sử dụng cho các loài sinh vật gây hại không quan sát rõ được bằng mắt thường) phải đủ để tiến hành theo yêu cầu về quy mô khảo nghiệm.
6. Thiết bị thí nghiệm trong phòng cần thiết để xác định mật độ các loài sâu hại không đo đếm được bằng mắt thường (như nhện gié, tuyến trùng).
7. Thiết bị phục vụ cho việc xử lý số liệu, tổng hợp báo cáo kết quả khảo nghiệm: Máy vi tính, phần mềm xử lý số liệu.
8. Phương tiện bảo hộ lao động như quần áo, ủng, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt đảm bảo an toàn về lao động đối với thuốc bảo vệ thực vật./.